TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Nữ học giả Phật giáo nguyên thủy bàn về Luật Tạng và những vấn đề của ni giới

ISSN: 2734-9195 14:10 14/06/2025

Bà thừa nhận rằng Vinaya (Giới luật) là một chế định do con người kiến lập và chính vì mang tính con người, nên không thể hoàn toàn hoàn hảo. Nhưng điều đó không làm lu mờ giá trị thiêng liêng đó trong tiến trình bảo tồn Phật pháp.

Bhikkhuni (Tỳ-kheo-ni) Dhammadinna đưa ra một phân tích nhiều lớp về tiến trình tái lập Giới đàn Tỳ-kheo-ni truyền thống Theravāda trong thế kỷ 20.

Bà khảo sát sâu sắc ba tiêu chí quan trọng trong giới luật: tính hiệu lực, hợp pháp và chính danh của sự thọ giới. Qua đó, lịch sử phức tạp cũng như những điều kiện đương đại của giới đàn dành cho phụ nữ được đặt lên bàn cân, buộc chúng ta phải trực diện với những thực tế sắc bén trong tiến trình phát triển của lịch sử tôn giáo.

Hiểu rõ những tầng lớp phức tạp đó cũng chính là cơ hội giúp chúng ta thâm nhập sâu hơn vào bản chất duyên khởi của mọi pháp hữu vi.



Hình ảnh do Bhikkhuni Visuddhi cung cấp

Trong phần thứ hai của chuỗi đối thoại chuyên sâu, Tỳ-kheo-ni Dhammadinna không chỉ tiếp cận đề tài từ góc nhìn của một học giả về lịch sử giáo lý, mà còn là một chuyên gia về Luật tạng (Vinaya), hệ thống pháp chế nội bộ của Tăng đoàn Phật giáo.

Bằng cách sử dụng trường hợp phụ nữ thọ giới làm ví dụ, bà làm sáng tỏ tính toàn diện của Luật Tạng trong việc điều hành đời sống Tăng-già, từ quá khứ đến hiện tại.

Hỏi: *Vì sao Luật Tạng lại được xem là nền tảng cốt lõi, đồng thời lại đầy phức tạp đến thế?*

Bhikkhuni Dhammadinna: Trong bối cảnh tu viện Phật giáo, "Vinaya" có thể được hiểu là kỷ luật, luật lệ, hay thậm chí là hệ thống pháp luật. Trước khi bàn đến tính thích nghi của Luật Tạng trong thế giới hiện đại, một thế giới hậu hiện đại, vốn rất khác với bối cảnh phục hưng Vinaya ở thế kỷ 20, tôi nghĩ ta cần hiểu thấu đáo về các nguyên lý nền tảng của Luật Tạng, cũng như hoàn cảnh sơ khởi của sự hình thành.

Bối cảnh đó là thời kỳ đầu của Tăng đoàn Phật giáo và sự tiến hóa thể chế của cộng đồng này theo thời gian. Ở đây, người làm luật là chính đức Phật. Tăng đoàn không có quyền lập pháp,; họ chỉ nắm quyền thực thi và tư pháp.

Xét về bản chất, mọi hệ thống luật pháp đều là một tiến trình diễn giải. Không hề có thứ gọi là "luật như chính nó", tách biệt khỏi sự giải thích, vì chính sự giải thích là một phần không thể tách rời của luật pháp. Cũng như vậy, ta nên nhìn nhận Vinaya như một hệ thống văn bản luật (ban đầu được truyền khẩu), điều chỉnh không chỉ hành vi cá nhân của các tu sĩ và mối quan hệ nội bộ trong Tăng đoàn, mà còn cả quan hệ giữa Tăng đoàn với hàng cư sĩ và xã hội nói chung, bao gồm các hệ thống pháp luật thế tục.

Hơn nữa, Vinaya không chỉ là văn bản "chết", đó là một thiết chế sống động, bao gồm cả hành vi diễn giải và thương lượng, một tiến trình vận hành của lịch sử.

Ta cũng cần hiểu đây là một hệ thống pháp lý hoàn chỉnh, có logic vận hành nội tại riêng. Ứng dụng của Vinaya là đồng thời tính (synchronic), hay thậm chí là đa thời tính (panchronic): có thể áp dụng bất cứ lúc nào và ở đâu, dựa trên giả định rằng Vinaya không được phép sửa đổi sau khi đức Phật nhập diệt, vì nếu vậy sẽ làm mất đi tính xác thực và nguyên vẹn được gán cho lời dạy của đức Phật trong luật văn.

Khôi phục Giới đàn Tỳ-kheo-ni: Pháp lý, quan điểm và những xung đột nền tảng

Với nền tảng hiểu biết về tính chất vận hành và nguyên lý nội tại của Luật tạng như đã nêu, ta có thể bắt đầu đặt các cách diễn giải khác nhau của Vinaya, vốn đặc trưng cho từng truyền thống Phật giáo, vào bối cảnh lịch sử và tư tưởng phù hợp.



Di tích Takht-i-Bahi (Pakistan) - một trong những kiến trúc tu viện Phật giáo cổ nhất còn tồn tại, từng là nơi diễn ra nhiều hoạt động liên quan đến Vinaya. (Nguồn: opendharma.com)

Một trường hợp điển hình là tiến trình phục hưng Giới đàn Tỳ-kheo-ni Theravāda diễn ra tại Ấn Độ từ nửa sau thế kỷ 20, rồi lan sang Tích Lan và nhiều nơi khác. Giới đàn này từng mai một trên tiểu lục địa Ấn Độ, ít nhất là về mặt ghi chép lịch sử kể từ khoảng thế kỷ 11.

Việc khôi phục này đã làm dấy lên nhiều tranh luận trong cộng đồng Theravāda xoay quanh ba tiêu chí nền tảng: tính hợp pháp, tính hiệu lực, và tính chính danh của các lễ thọ giới được tổ chức. Cá nhân tôi, sau nhiều năm nghiên cứu văn bản cổ và ngẫm xét kỹ các nguyên tắc pháp lý Theravāda, xin chia sẻ một cách chân thành rằng: *trên nguyên tắc pháp lý, việc tái lập Tăng đoàn Tỳ-kheo-ni là chính đáng và có cơ sở vững chắc. Cho đến nay, chưa có một lập luận phản bác nào thực sự mang tính quyết định hay đủ sức bác bỏ về mặt pháp lý tính hợp lệ của quá trình phục hưng này.*

Không chỉ là pháp lý - mà còn là quyền lực và diễn giải

Tuy nhiên, đây không đơn thuần là vấn đề luật học hay nghiên cứu văn bản học. Đằng sau những tranh luận còn có những yếu tố phức tạp hơn: quyền lực diễn giải, đặc quyền thể chế, danh dự giáo hội và thậm chí là sự loại trừ hệ thống.

Nếu tiếp cận từ góc độ chuẩn mực bảo thủ, người ta có thể cho rằng việc phục hồi Giới đàn này là "đúng hoàn toàn" hoặc "sai hoàn toàn", thường dựa trên quyền uy của truyền thống mình. Ngược lại, tư tưởng tự do hiện đại có thể kêu gọi hành xử theo tinh thần của luật pháp hơn là chữ nghĩa, để khẳng định các giá trị như bình đẳng và tôn trọng tinh thần của thời đại.

Đây là một thế lưỡng nan phổ biến. Theo tôi, ta cần nhìn nhận cả hai quan điểm trong bối cảnh điều kiện hình thành của chúng, vốn gắn chặt với giá trị văn hóa và bản sắc cộng đồng.

Điều then chốt là: nếu không hiểu được cách vận hành của Luật Tạng, ta sẽ không thể hiểu được nguồn gốc của những xung đột tư tưởng trong lòng cộng đồng Phật giáo, dù có thiện chí và trí tuệ đến đâu. Những xung đột ấy thường không chỉ liên quan đến chữ nghĩa của luật, mà còn cả đến tinh thần của luật. Và sâu xa hơn, đó là xung đột quanh quyền được diễn giải và diễn giải của ai là đáng tin cậy.

Chúng ta là những hữu tình sống trong dòng lịch sử và vì vậy, cần hiểu tính quy phạm (normativity) của truyền thống trong tiến trình hình thành căn tính tu sĩ. Thêm vào đó, trong thời hiện đại và hậu hiện đại, xuất hiện thêm các lớp chú giải mới, kéo theo các vấn đề như đặc quyền, phân phối tài nguyên và vị thế thể chế.

Không chỉ một bộ Luật Tạng…

Nhìn từ góc độ lịch sử, tương tự như các bộ kinh Agama/Nikāya (tức các tập hợp Kinh tạng Pāli/Sanskrit mà ta đã đề cập ở kỳ trước), ta không có một "Vinaya viết hoa" duy nhất. Trái lại, có nhiều bộ Luật Tạng khác nhau, là di sản của quá trình hình thành từ các quy ước lỏng lẻo ban đầu đến hệ thống quy chế chính thức về sau.

Trên thực tế, những khác biệt giữa các bộ Vinaya còn lớn hơn nhiều so với sự khác biệt giữa các bộ Kinh Agama, cho thấy quá trình phát triển văn bản của Vinaya diễn ra sâu rộng và đa tầng hơn rất nhiều. Điều này phản ánh tính chất

phức hợp và lịch sử hóa mạnh mẽ của hệ thống luật giới trong Phật giáo.

Không có một bộ Luật Tạng "tuyên xưng": Tính toàn thể và giới hạn của truyền thống



Hình ảnh do Bhikkhuni Visuddhi cung cấp

Không có bộ Vinaya nào mở đầu hay kết thúc bằng tuyên bố: *"Tôi là Luật Tạng của truyền thống này hay truyền thống kia".* Mỗi tông phái đều xem bản Vinaya

mình tiếp nhận là "chân truyền" duy nhất, không cần (và cũng không muốn) xác định rõ ràng rằng đó là của ai. Vì sao? Bởi chỉ cần thừa nhận đây là Vinaya của Theravāda hay của Dharmaguptaka cũng đồng nghĩa với việc ngầm công nhận rằng có những Vinaya khác đang tồn tại song song, điều này trực tiếp đe dọa đến ý niệm rằng truyền thống của tôi là người duy nhất đang gìn giữ bản Vinaya chân thực và chính thống, tức di huấn đích thực của đức Phật.

Đây chính là lý do vì sao các bộ Luật Tạng Ấn Độ cổ điển thường không có dấu hiệu nhận diện rõ ràng nào về mặt hệ phái. Dẫu vậy, trong bối cảnh Trung Hoa, tình hình lại khác. Một số bản Hán dịch Luật Tạng từ Ấn Độ, đặc biệt trong các tập bản thảo hoặc phần kết lục (colophons), vẫn có ghi rõ nguồn gốc như: "Luật của phái Mahāsāṃghika-Lokottaravāda",... Điều này cho thấy, mỗi cộng đồng Vinaya thực chất là di sản của những dòng truyền khẩu khác nhau, đều coi bản Luật Tạng của mình chính là Vinaya, chứ không phải *"một bản trong nhiều bản".*

Ngôn ngữ và lãnh thổ: Tính pháp lý tuyệt đối trong Theravāda

Trong truyền thống Theravāda, tư tưởng chủ đạo là: *chỉ tiếng Pāli mới là ngôn ngữ chính thức và hợp pháp của Luật Tạng. Theo đó, mọi hành vi pháp lý của Tăng đoàn (saṅgha), bao gồm thiết lập lãnh thổ (sīmā) và truyền giới, chỉ hợp lệ nếu được thực hiện bằng tiếng Pāli.*

Sīmā, trong cách hiểu của Vinaya, vừa là ranh giới pháp lý, vừa là lãnh thổ hợp lệ cho các nghi lễ Tăng sự. Theravāda có phương thức riêng để thiết lập sīmā và không quan tâm đến cách thức của các truyền thống khác, bởi từ góc nhìn Theravāda, chúng hoàn toàn không liên quan, đơn giản vì chỉ có một Vinaya thật sự mà thôi.

Hệ thống chú giải và truyền thống pháp học trong Theravāda quy định rõ: *sīmā phải được thiết lập thế nào, nghi thức hành sự phải đọc bằng công thức ra sao và phát âm Pāli phải chuẩn xác tuyệt đối.* Có thể nói, sự chuẩn xác trong phát âm gần như trở thành mối ám ảnh, bởi nó được coi là điều kiện để một hành vi pháp lý trở nên hợp lệ.

Với cách tiếp cận ấy, Vinaya của phái Dharmaguptaka chẳng có chút liên quan nào đến Theravāda. Đây là hai hệ thống pháp lý hoàn toàn khác nhau, như thể luật Ý và luật Đức không thể áp dụng lẫn lộn. Do đó, một lễ truyền giới dù được thực hiện chân thành bằng tiếng Trung, Pháp, Thái, hay cả tiếng Tây Tạng, nếu không theo quy tắc Pāli và nghi thức Theravāda, thì đơn giản là vô hiệu trong

mắt truyền thống này.

Tôn trọng truyền thống - không đồng nghĩa chối bỏ tinh thần cởi mở

Những vấn đề như vậy hiếm khi xuất hiện trong các cuộc thảo luận tại gia, nhưng một khi đã dấn thân nghiên cứu và thực hành truyền thống, ta cần hiểu thấu cội nguồn của lập trường đó.

Tôi xin nhấn mạnh: *điều này không có nghĩa là tôi không kính trọng các vị xuất gia theo truyền thống Dharmaguptaka. Ngược lại, tôi coi họ là những huynh đệ đồng tu trong Tăng đoàn, được thọ giới trong khuôn khổ Vinaya của họ và hoàn toàn xứng đáng được tôn trọng.*

Tuy nhiên, từ góc nhìn nghiêm ngặt và truyền thống của Theravāda, tính bao dung đa hệ phái trong Luật Tạng (ecumenism) về nguyên tắc không được thừa nhận. Và dù quan điểm cá nhân tôi, trong bối cảnh năm 2025, khi thế giới đã quá biến động, có thể rộng mở hơn, tôi vẫn cho rằng: *chúng ta cần nhìn nhận và tôn trọng truyền thống trên chính điều kiện nội tại đó, thay vì áp đặt các tiêu chuẩn ngoại sinh lên một hệ thống vốn được định hình trong quá trình lịch sử và tâm linh dài lâu.*

Tái truyền giới cho Tỳ-kheo-ni: Một vấn đề pháp lý hơn là nghi lễ

Từ góc nhìn của hệ tư tưởng pháp lý Theravāda, việc tái lập Tăng đoàn Tỳ-kheo-ni Theravāda thông qua truyền giới từ Tăng đoàn Trung Hoa (Hán truyền) là điều không thể chấp nhận, bởi sự bất tương thích giữa hai hệ thống pháp luật (Vinaya). Nói cách khác, nếu nhìn qua lăng kính của Vinaya như một hệ quy chiếu pháp lý độc lập, thì một hệ Vinaya không thể can thiệp vào lãnh thổ pháp lý của một hệ khác, dù có thiện chí đến đâu.

Ngược lại, truyền thống Trung Hoa từ lâu đã mang tinh thần dung hợp (ecumenical) trong thực hành Vinaya. Giới pháp được thực hiện theo Luật Dharmaguptaka, một bản Luật mang tính tổng hợp nhiều hơn bản Pāli Vinaya của Theravāda và thường xuyên được đối chiếu, tham khảo với các Vinaya khác, như cách Đạo Tuyên Luật Sư (596-667) từng thực hiện trong các trước tác giới luật uy tín của mình. Ngày nay, nhiều vị xuất gia theo Luật Dharmaguptaka sẵn lòng công nhận tính hợp lệ của Vinaya Theravāda, bởi vì truyền thống của họ vốn quen với việc đối chiếu, hòa hợp vì mục tiêu thực hành tối ưu. Tuy nhiên,

sự thừa nhận này không được hồi đáp từ phía Theravāda, nơi đề cao nguyên tắc nội bộ chặt chẽ, phi dung hợp và bảo toàn hệ thống pháp lý khép kín.

Giới pháp: Vừa là pháp lý, vừa là nghi lễ

Một điểm rất quan trọng mà ít người để ý: *truyền giới không chỉ là nghi lễ, mà còn là hành vi pháp lý, một loại pháp chế được tiến hành dưới hình thức nghi lễ.* Để một lễ truyền giới có giá trị pháp lý (legal) và hợp lệ (valid), cần phải đáp ứng đủ tất cả điều kiện về hình thức, công thức, quy trình và thành phần Tăng chúng, tất cả phải tuân thủ đúng hệ thống Vinaya mà người thọ giới theo.

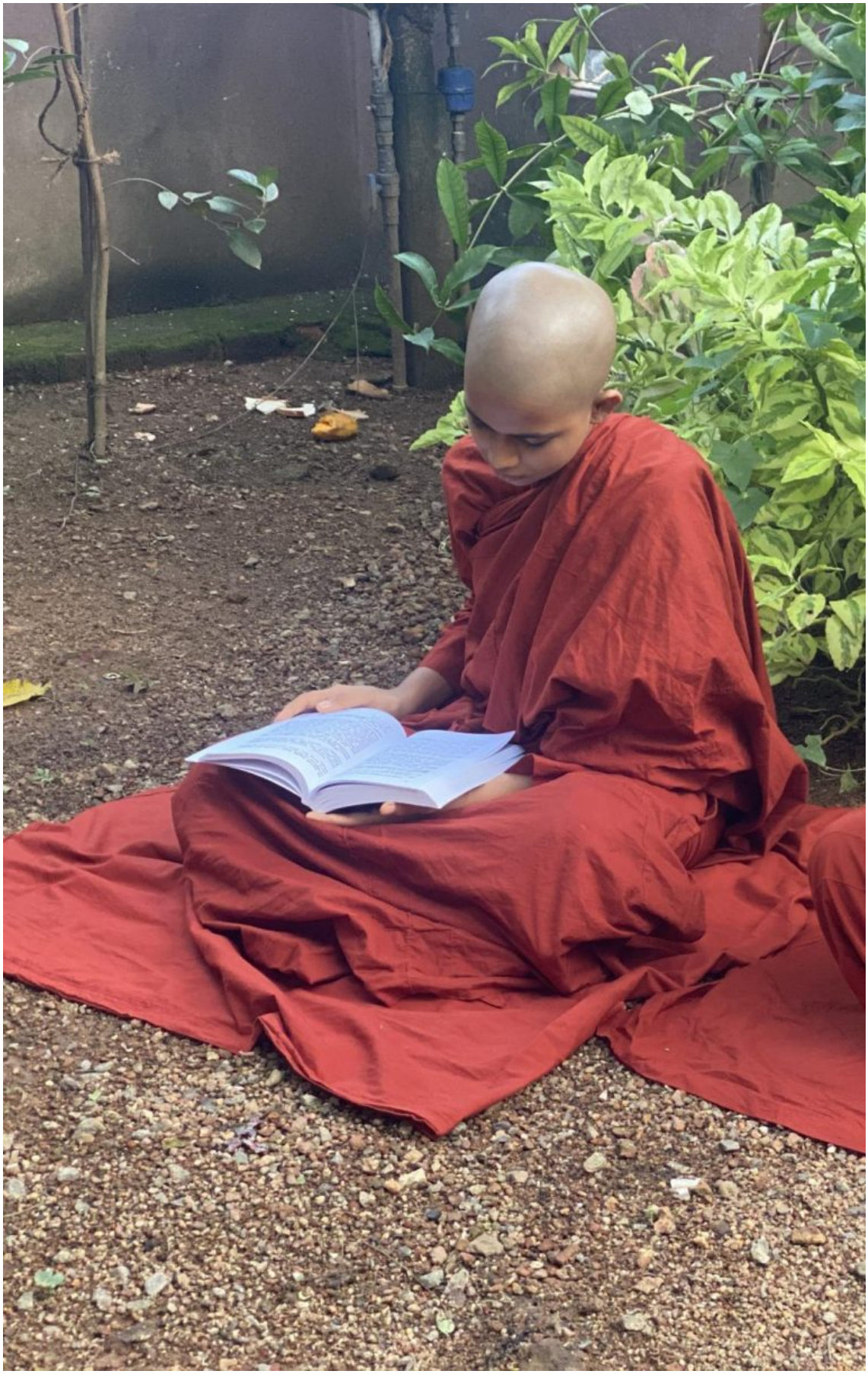
Ở đây, chúng ta cần phân biệt rõ hai khái niệm:

+ *Tính hợp pháp (legality):* lễ truyền giới có thể bị coi là bất hợp pháp nếu được tổ chức sai nguyên tắc của Luật Tạng áp dụng.

+ *Tính hợp lệ (validity):* ngay cả khi hợp pháp trên lý thuyết, lễ truyền giới vẫn có thể không hợp lệ nếu có sai sót trong quá trình thực hiện, ví dụ, đọc sai công thức, nhầm lẫn trình tự.

Chính vì vậy, hoàn toàn có thể xảy ra trường hợp: một lễ truyền giới được tổ chức hợp pháp, nhưng kết quả lại không hợp lệ và không ai phát hiện. Người thọ giới có thể sống như một vị Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni hợp pháp, trong khi thực tế, họ chưa từng được thọ giới thành công từ góc nhìn pháp lý. Đây không phải điều hiếm. Hòa thượng Hồng Nghi (1880-1942), một nhà cải cách nổi tiếng của Phật giáo Trung Hoa, phát hiện ra sau hơn một thập kỷ rằng giới đàn năm 1918 của ngài đã không diễn ra đúng pháp, như được học giả Raoul Birnbaum phân tích chi tiết trong nghiên cứu công bố năm 2023.

Hệ lụy từ một đường truyền không nguyên vẹn



Hình ảnh do Bhikkhuni Visuddhi cung cấp

Một trong những yếu tố then chốt đảm bảo tính hợp lệ của lễ truyền giới là tăng đoàn truyền giới phải thanh tịnh và không gián đoạn. Tuy nhiên, trên thực tế,

chúng ta không có cách nào xác quyết hoàn toàn điều này. Mỗi tự viện, mỗi truyền thống đều tin rằng mình đang gìn giữ một dòng truyền thừa không đứt gãy, nhưng đó chỉ là niềm tin, không thể chứng minh một cách pháp lý tuyệt đối.

Hãy hình dung một kịch bản: một số vị đã phạm Ba-la-di (Pārājika), tức là phạm vào những giới trọng nhất khiến vị ấy mất tư cách xuất gia và trở lại đời sống tại gia, nhưng không hề hay biết, hoặc không khai báo. Sau đó, những vị này lại tham gia truyền giới cho người khác. Trong truyền thống Theravāda, hành vi như vậy làm cho toàn bộ lễ truyền giới vô hiệu tuyệt đối, vì theo Luật, ngay khi phạm Ba-la-di, vị ấy đã không còn là Tăng nhân và do đó mọi hành vi pháp lý sau đó đều không hợp lệ.

Dù vậy, trong một số truyền thống khác như Dharmaguptaka, việc xử lý tình huống này ít cứng nhắc và đơn tuyến hơn, nhưng cũng không có nghĩa là không có rủi ro về mặt pháp lý.

Hợp pháp và hợp lệ: Kẽ hở giữa lý tưởng và thực tiễn

Hãy hình dung rằng một lễ truyền giới đã được thực hiện bởi một Tăng đoàn mà trong đó có thành viên phạm giới Ba-la-di mà không ai hay biết, tức là trên danh nghĩa là Tăng đoàn, nhưng thực chất có thể không đủ tư cách pháp lý để truyền giới. Hoặc giả, Tăng đoàn đó gồm những vị có đầy đủ phẩm hạnh và ý chí thiện lành, nhưng quy trình truyền giới lại mắc lỗi kỹ thuật nhỏ (như sai công thức tụng, thiếu túc số), khiến cho giới đàn bị mất hiệu lực pháp lý, mà không ai nhận ra. Hệ quả là, người thọ giới sẽ không thực sự là Tăng sĩ, ít nhất là dưới lăng kính của một môi trường Phật giáo nhấn mạnh pháp lý và thanh tịnh giới luật như Theravāda.

Tình huống tưởng chừng nhỏ ấy, nếu phân tích kỹ, có thể làm lung lay toàn bộ tính chính danh của một đời sống xuất gia. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, ngoài "hư cấu mang tính chế định" về một dòng truyền thừa thuần tịnh và bất đoạn từ thời đức Phật, chúng ta rất hiếm khi có đủ bằng chứng để xác tín toàn bộ quy trình truyền giới trong phần lớn các trường hợp. Dù vậy, niềm tin vào sự toàn vẹn của giới đàn, dù dựa trên thiện chí, giả định hay kinh nghiệm truyền thống, vẫn là một yếu tố thiết yếu để duy trì bản sắc và căn tính của đời sống Tăng đoàn.

Nói cách khác, ý niệm về một dòng truyền thừa không đứt đoạn từ đức Phật không hẳn là sự thật lịch sử có thể kiểm chứng, mà là một cấu trúc tu từ cần

thiết để bảo vệ tính liên tục thiêng liêng của Tăng đoàn. Trong trường hợp có nghi vấn về tính hợp lệ, điều khả thi nhất chúng ta có thể làm là can đảm rà soát lại quá trình ấy một cách minh bạch, không rơi vào cực đoan của cả hai phía: mê tín pháp lý hay phủ định giá trị truyền thống.

Con đường trung đạo giữa pháp lý và truyền thống

Tôi hiểu rằng tất cả những điều này nghe có vẻ phức tạp, thậm chí trào phúng hoặc phi lý, dễ khiến người ngoài cảm thấy hoang mang. Nhưng lý do tôi nêu lên những điều này là để nhấn mạnh rằng: *chúng ta cần tinh thần "trung đạo", không rơi vào chủ nghĩa pháp lý cực đoan đầy sợ hãi mê tín nhân danh giới luật, nhưng cũng không hoàn toàn xem nhẹ cách mà truyền thống vận hành và duy trì chính mình qua hàng thế kỷ.*

Thực tế, ngay cả khi ta có thể nghi ngờ tính "không đứt đoạn" của dòng truyền thừa, thì truyền thống ấy vẫn đang giữ cho giáo pháp của đức Phật được tiếp nối một cách có tổ chức, có tính kế thừa và duy trì khả năng tiếp cận đời sống xuất gia cho những ai có tâm cầu đạo. Đó chính là giá trị mà pháp lý không nên làm mất đi.

Vậy đâu là cách truyền giới đúng cho Tỳ-kheo-ni Theravāda?

Hỏi: *Trước những vấn đề pháp lý phức tạp như vậy, với tư cách là một Tỳ-kheo-ni Theravāda, đâu là cách truyền giới đúng đắn cho nữ giới hôm nay?*

Bhikkhuni Dhammadinna: Tôi có thể trả lời theo hai cách. Nhưng nếu xét theo quan điểm pháp lý Theravāda thuần túy, thì cách "đúng đắn và khả dĩ nhất" để tái lập Tăng đoàn Tỳ-kheo-ni là: thực hiện một giới đàn "khởi tạo" (proto-ordination) bằng một Tăng đoàn gồm toàn Tỳ-kheo (nam giới). Bởi vì, trong Vinaya Theravāda, Tỳ-kheo là pháp nhân tối hậu trong việc truyền giới: chỉ có Tỳ-kheo mới được quyền truyền giới Tỳ-kheo-ni, nhưng ngược lại, Tỳ-kheo có thể truyền giới cho nhau mà không cần sự hiện diện của Tỳ-kheo-ni.

Chúng ta có thể có lý tưởng bình đẳng giới, có khát vọng cải cách, nhưng không thể phủ nhận sự bất đối xứng về quyền lực giới tính và cơ cấu thể chế đã được "gắn cứng" trong Luật Tạng. Vì vậy, giới đàn đầu tiên nên được phục hồi từ Tăng đoàn Tỳ-kheo nam hợp pháp, sau đó, từ nhóm Tỳ-kheo-ni được tái lập đó, các lễ truyền giới sau cần được thực hiện theo hình thức "nhị bộ tăng" (dual ordination), nghĩa là có sự tham gia của cả hai bộ: Tỳ-kheo-ni và Tỳ-kheo. Theo hiểu biết của tôi, đây là cách làm hợp pháp và hợp lệ, phù hợp với pháp lý

Theravāda hiện hành.

Tinh thần mở và nhận diện thực tại: Vượt qua ranh giới pháp lý

BDG: *Vậy, trong tình thế phức tạp này, bà chọn cách ứng xử như thế nào?*

Bhikkhuni Dhammadinna: Điều đầu tiên tôi cần thành thật thừa nhận là: Giới luật (Vinaya) luôn hàm chứa yếu tố diễn giải. Ngay trong lòng truyền thống Theravāda, các cách hiểu về Vinaya cũng không đồng nhất. Có nhiều tiếng nói, nhiều lập luận khác nhau cùng mang danh "Theravāda". Nhưng như tôi đã trình bày trước đó, theo nhận định cá nhân, chưa có sự bác bỏ nào mang tính hệ thống và thuyết phục đối với cơ sở hợp pháp của việc phục hồi Tăng đoàn Tỳ-kheo-ni theo hướng mà tôi đang thực hành.

Dĩ nhiên, tôi sẽ không tự nhận mình là một Tỳ-kheo-ni Theravāda, nếu tôi không tin rằng lễ thọ giới của mình có cơ sở pháp lý chính đáng. Tuy vậy, có một thực tế là: một số Tăng đoàn Tỳ-kheo-ni Theravāda hiện nay đã phục hồi nhờ sự hỗ trợ của các truyền thống Trung Hoa và Hàn Quốc, vốn hành trì theo Luật Tạng Dharmaguptaka, chứ không phải Theravāda. Phương pháp này tuy bị nhiều luật sư Theravāda chính thống bác bỏ, nhưng vẫn được một bộ phận Tăng sĩ Theravāda thừa nhận là hợp lệ, với lý do rằng Tỳ-kheo (bhikkhu), chứ không phải hệ phái, mới là chủ thể pháp lý tối hậu trong việc truyền giới.

Dù vậy, dưới lăng kính chính thống của pháp học Theravāda, thì phương án này khó có thể xem là tuân thủ đúng "chuẩn mực nguyên bản" mà tôi đã trình bày trước đó. Nhưng tôi không chọn cách đóng khung tư duy để rồi quy kết rằng những vị Tỳ-kheo-ni thọ giới qua các dòng truyền thừa khác là không hợp pháp. Bởi vì, nếu làm vậy, tôi đã phủ nhận tính diễn giải vốn là bản chất của Vinaya. Hơn nữa, các phong trào phục hưng Tỳ-kheo-ni đều xuất hiện từ những điều kiện lịch sử, hoàn cảnh xã hội và sự hiểu biết riêng biệt, không thể nhìn một chiều.

Đi trên đường gươm mỏng: Tỉnh thức, dung hòa và tiếp nhận



Bhikkhuni Dhammadinna (Ảnh: Ven. Dhammadinna)

Vậy tôi đã và đang làm gì? Tôi bước đi trên một lằn ranh rất mảnh, vừa giữ tâm trí và trái tim rộng mở, vừa thừa nhận mô hình giới luật "chuẩn mực" của Theravāda, đồng thời ý thức rằng: *một khi đã tái lập giới đàn theo mô hình khác, thì điều đó đã trở thành hiện thực lịch sử, không thể hoàn nguyên được nữa.*

Thực tế, chúng ta đã đi qua giai đoạn "phục hồi nguyên thủy" của Tăng đoàn Tỳ-kheo-ni Theravāda. Hiện nay, các dòng truyền thừa đã giao thoa: *có những vị được thọ giới bởi Tỳ-kheo-ni Theravāda, có người lại thọ giới qua hệ Dharmaguptaka rồi truyền giới ngược lại cho Tỳ-kheo-ni Theravāda. Do vậy,* **việc theo đuổi một "tính thuần khiết" lý tưởng hay tránh sự "ô nhiễm hệ phái"** *giờ gần như là bất khả.*

Thật bất ngờ, tôi lại thấy thích thực trạng ấy. Bởi vì, nó buộc ta phải nhìn thẳng vào thực tại đầy nhân duyên và phức tạp của lịch sử tôn giáo. Khi ta thấy mọi thứ "đã hình thành như thế nào từ những điều kiện nhất định", thì điều đó dẫn đến một cái nhìn thâm sâu hơn về tính duyên sinh và vô thường của mọi pháp.

Trí tuệ vượt qua phân cực: Lắng nghe, hiểu và hành xử trưởng thành

Vậy tại sao phải quá cố chấp, cực đoan trong việc đứng về một phía của tranh luận? Nhìn thấy tình huống này đúng như đó là một thực tại đa tầng, chồng lớp các diễn giải và thương thuyết pháp lý, có lẽ là thái độ chín chắn và gần với tuệ giác hơn nhiều so với những cố gắng giản lược tất cả về "tinh thần bình đẳng giới".

Chúng ta không nên phớt lờ hay cưỡng ép giải pháp lên những phức tạp ấy. Làm vậy sẽ không đem lại lợi ích thật sự cho Tăng đoàn Tỳ-kheo-ni. Con tàu đã rời bến. Chiếc chuông đã ngân lên, không thể thu lại. Chúng ta đang ở đây, rất nhiều người trong chúng tôi nay đã khoác y áo Tỳ-kheo-ni Theravāda với tất cả sự chân thành, nhờ vào nỗ lực và lòng dũng cảm của những người tiên phong trong phong trào phục hưng.

Hiếm khi trong lịch sử, điều gì lại thuần trắng hoặc tuyệt đối đen. Giáo pháp của đức Phật trao cho chúng ta công cụ để nhìn lại chính lập trường của mình một cách tỉnh thức. Và chính vì vậy, chúng ta không cần chờ đợi các nhà sử học tương lai đến để nhìn lại giai đoạn này với sự tinh tế, bởi chúng ta có thể làm điều ấy ngay trong hiện tại, với chính niệm và trí tuệ.

Đối diện với sự thật và cái bóng của chính mình

"Chúng ta có thể tự mình đón nhận điều đó ngay trong hiện tại. Nếu ta không thừa nhận mặt tối của chính mình, mà chỉ tô hồng tất cả như một sự khai phóng tuyệt đẹp cho tâm linh nữ giới hay một bước tiến về bình đẳng giới, thì ta đang bỏ qua những vấn đề thể chế nghiêm trọng vẫn còn tồn tại. Mà khi không đối diện với chúng, ta vô tình để mình bị trói buộc bởi chính những điều đó".- Bhikkhuni Dhammananda.

Bhikkhuni Dhammananda thẳng thắn chỉ ra những thách thức hiện hữu trong đào tạo theo giới luật Vinaya, đặc biệt là khi thiếu đi các điều kiện hỗ trợ đầy đủ. Việc chỉ nhấn mạnh đến khía cạnh "trao quyền" trong phong trào phục hưng Ni đoàn là một cái nhìn phiến diện cả về lịch sử lẫn tâm lý. Bà cho rằng chúng ta cần tiếp cận vấn đề với một tầng mức phức tạp hơn, không né tránh, không chỉ ca ngợi, mà phải cùng nhau tìm cách vận dụng những gì đang có một cách khéo léo và thành tâm.

Trước nhận định này, phóng viên đặt câu hỏi: *phải chăng đây chính là một hình thức trung đạo trong tư duy, nhận ra rằng vấn đề Ni đoàn phức tạp hơn ta tưởng, giống như khi làn sóng nữ quyền hiện đại dù đạt được nhiều thành tựu, nhưng cũng đang dần nhận ra những hệ lụy xã hội, văn hóa, kinh tế kèm theo? Liệu ta có thể học cách trân trọng những gì đã đạt được và tích hợp nhiều chiều hướng diễn giải một cách chín chắn hơn?*

Bhikkhuni Dhammananda tiếp lời bằng một điểm nhìn thực tế: dù ở các quốc gia Theravāda truyền thống hay tại phương Tây, Ni đoàn vẫn chủ yếu là một nhóm thiểu số bên lề. Bà nói: *"Chúng tôi phần lớn chưa được chấp nhận ở cấp thể chế. Dù có thể được cảm thông ở mức cá nhân và rõ ràng có những Tăng đoàn nam tham gia truyền giới, hậu thuẫn cho Ni đoàn, nhưng nếu hỏi rằng: liệu đa số các Tỳ-kheo Theravāda có tham gia vào các hành pháp liên quan đến giới đàn cho Ni giới không? Thì rất tiếc, câu trả lời là không".*

Thực tế này theo bà cần được nhìn nhận đúng mực, thay vì chỉ dựa vào những báo cáo lạc quan về sức mạnh "phục hưng". Điều mà các Tỳ-kheo-ni Đông Á như tại Đài Loan, Hàn Quốc có được một hệ thống pháp lý ổn định và được công nhận, thì Ni đoàn Theravāda còn rất thiếu.

Từ vị thế bên lề, bà nhìn nhận rằng các Ni đoàn có xu hướng tìm cách tái khẳng định bản sắc như "giới nữ", "phụ nữ xuất gia", "Ni đoàn" như một phản ứng tự nhiên trước các hệ thống mang tính phụ quyền và áp chế. Tuy nhiên, với sự tỉnh thức, nền tảng của giới luật Vinaya, ta cần nhìn lại chính mình, tránh rơi vào cực đoan hoặc lý tưởng hóa bản thân như một cách **"phản kháng mang tính ý thức hệ".**

Cuối cùng, bà đưa ra một lời bình đáng suy ngẫm đối với những ai cho rằng chỉ có **dòng truyền thừa "thuần túy, không gián đoạn"** mới là chính thống: *"Sự tiếp nối của giới luật thực ra được duy trì qua vô số thế hệ đã 'nhúng tay vào những hỗn độn' - theo nghĩa là đã hành trì trong điều kiện không hoàn hảo. Nếu căn cứ trên những chuẩn mực bất biến, phi thực tế, để phủ định khả năng sống đời xuất gia thì liệu có phải là điều khôn ngoan? Lý tưởng về một 'giới luật thuần khiết' thực chất là một hình thức ngã mạn, vừa là tưởng tượng không có thực, vừa là nền tảng để thiết lập một bản ngã tập thể sai lạc".*

Bà kết luận bằng sự chân thành từng trải: *"Nhiều thập kỷ sống trong các thiết chế Phật giáo khiến tôi trân trọng từng đóng góp của mỗi người. Trước đây tôi bảo thủ hơn bây giờ rất nhiều. Có lẽ điều tốt nhất ta có thể làm là sống và hành trì với tất cả khả năng mình có, thay vì đuổi theo hình bóng con mèo Cheshire (*) của sự kiêu mạn tôn giáo.".*

Chấp nhận sự bất toàn, giữ gìn tinh thần phật pháp

"Có lẽ những vấn đề này vốn đã nằm sẵn bên trong". - phóng viên gợi mở.

"Vâng, hoàn toàn là như vậy, vốn có, không thể tránh, nếu không muốn nói là không thể giải quyết triệt để". - Bhikkhuni Dhammananda đáp.

Bà thừa nhận rằng Vinaya (Giới luật) là một chế định do con người kiến lập và chính vì mang tính con người, nên không thể hoàn toàn hoàn hảo. Nhưng điều đó không làm lu mờ giá trị thiêng liêng đó trong tiến trình bảo tồn Phật pháp.

Dẫn một ví dụ ngoài Phật giáo, Bhikkhuni Dhammananda nhấn mạnh: *"Chúng ta đâu vì những giai đoạn tàn bạo, gian trá hay tham lam của Giáo hội Công giáo trong lịch sử mà vứt bỏ toàn bộ di sản uyên bác và quyền lực tinh thần mà nó từng duy trì. Chính Giáo hội ấy đã góp phần lưu giữ văn hóa cổ điển phương Tây suốt thời Trung cổ cho đến cận đại".*

Tương tự, những thiết chế Tăng-già không hoàn hảo, được hình thành và định hình qua giới luật Vinaya cũng đã giúp bảo tồn sự hiện diện sống động của Phật pháp trong thế giới hôm nay. Bà nhấn mạnh: "Khi hiểu được điều đó, ta không cần phải quá lý tưởng hóa hay quá thất vọng".

Tác giả: **Raymond Lam/**Chuyển ngữ và biên tập: **Thường Nguyên**

Nguồn: buddhistdoor.net

*** Mèo Cheshire** là một nhân vật nằm trong cuốn tiểu thuyết nổi tiếng của Lewis Carroll - Alice ở xứ sở thần tiên. Chú mèo này trở nên nổi tiếng bởi sự tinh ranh, xảo quyệt, khó hiểu, khó lường và luôn cười nhăn nhở.

Tài liệu tham khảo:

Birnbaum, Raoul. (2023). "Vinaya Master Hongyi's Vinaya Problem," trong Ester Bianchi và Daniela Campo (biên tập). Take the Vinaya as Your Master: Monastic Discipline and Practices in Modern Chinese Buddhism. Leiden: Brill.

Lưu ý: Trong bài viết này, thuật ngữ "bhikkhunī" (Pāli) chỉ các Tỳ-kheo-ni theo truyền thống Theravāda; "bhikṣuṇī" (Sanskrit) dùng cho truyền thống Dharmaguptaka và Mūlasarvāstivāda.